

Họ và tên: SBD: Lớp: 10 C.....

Mã đề 101

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (6,0 điểm). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Chữ viết của Trung Hoa có ảnh hưởng lớn đến chữ viết của quốc gia nào ở Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Chăm-pa. B. Lan Xang (Lào). C. Cam-pu-chia. D. Đại Việt.

Câu 2. Ở Đông Nam Á, loại hình kiến trúc nào sau đây là kiến trúc dân gian?

- A. Nhà nổi. B. Nhà thuyền. C. Nhà sàn. D. Nhà trệt.

Câu 3. Hoạt động kinh tế chính của cư dân Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là

- A. buôn bán bằng đường biển. B. nông nghiệp trồng lúa nước.
C. trồng trọt và chăn nuôi du mục. D. sản xuất thủ công nghiệp.

Câu 4. Tôn giáo nào sau đây từ Ấn Độ được truyền bá vào khu vực Đông Nam Á thời cổ - trung đại?

- A. Hồi giáo, Đạo giáo. B. Phật giáo, Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo, Hin-đu giáo. D. Hồi giáo, Hin-đu giáo.

Câu 5. Văn học Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại **không** chịu ảnh hưởng của văn học

- A. Ấn Độ. B. Ả Rập. C. Nam Phi. D. Trung Hoa.

Câu 6. Phát minh nào **không** phải là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Dữ liệu lớn (Big Data). B. Internet kết nối vạn vật (IoT).
C. Trí tuệ nhân tạo (AI). D. Máy tính, internet.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** phải là tác động tiêu cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại đến đời sống, văn hoá của con người?

- A. Sự giao lưu văn hoá giữa các quốc gia thuận lợi hơn.
B. Làm phát sinh tình trạng văn hoá “lai căng”.
C. Tăng sự lệ thuộc của con người vào máy tính, điện thoại.
D. Đưa đến nguy cơ đánh mất văn hoá truyền thống.

Câu 8. Những thành tựu của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc có ý nghĩa nào sau đây đối với tiến trình phát triển của văn hóa dân tộc Việt Nam?

- A. Là cơ sở hình thành nền văn hóa của người Việt.
B. Góp phần định hình đời sống văn hóa của cư dân khu vực.
C. Trực tiếp tạo tiền đề cho sự ra đời của văn minh Đại Việt.
D. củng cố và phát triển văn hóa truyền thống của người Việt.

Câu 9. Việc tiếp thu văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại?

- A. Xóa bỏ nền văn minh cũ, hình thành nền văn minh mới.
B. Xây dựng nền văn minh tách biệt với bên ngoài.
C. Giữ nguyên vẹn yếu tố truyền thống của Đông Nam Á.
D. Góp phần làm phong phú văn minh Đông Nam Á.

Câu 10. Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc được hình thành ở khu vực nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Hồng và sông Thu Bồn.

- B. Các tỉnh đồng bằng Nam Trung Bộ.
- C. Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.
- D. Các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. sử dụng năng lượng nước, hơi nước và cơ giới hóa sản xuất.
- B. quy trình, phương thức sản xuất được tối ưu hóa dựa trên nền tảng công nghệ số.
- C. sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hoá sản xuất.
- D. ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt trên quy mô lớn.

Câu 12. Sự ra đời của máy tính cá nhân, hệ điều hành, internet và trình duyệt web đã đánh dấu sự ra đời của cuộc cách mạng nào sau đây?

- A. Cách mạng số hóa.
- B. Cách mạng màu.
- C. Cách mạng xanh.
- D. Cách mạng nhung.

Câu 13. Năm 1903, phương tiện nào được chế tạo đã đánh dấu sự ra đời của ngành hàng không thế giới?

- A. Tàu vũ trụ.
- B. Ô tô.
- C. Máy bay.
- D. Tên lửa.

Câu 14. Nghệ thuật và kiến trúc Đông Nam Á thời cổ - trung đại phản ánh đặc điểm nào sau đây?

- A. Các nền văn hóa không giao thoa, giữ các đặc trưng riêng biệt.
- B. Nghệ thuật và kiến trúc kết hợp giữa Ấn Độ, Trung Hoa và bản địa.
- C. Mỗi quốc gia phát triển nghệ thuật độc lập, không có giao thoa.
- D. Nghệ thuật bị chi phối hoàn toàn bởi văn minh Trung Hoa và Phật giáo.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đời sống vật chất của cư dân Việt cổ?

- A. Lấy thương mại đường biển làm nguồn sống chính.
- B. Nguồn lương thực chủ yếu là gạo nếp, gạo tẻ.
- C. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là thuyền, bè.
- D. Nhà ở phổ biến là kiểu nhà sàn từ gỗ, tre, nứa,...

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện cho thấy nhà nước Âu Lạc có bước phát triển cao hơn so với nhà nước Văn Lang?

- A. Thành Cổ Loa là căn cứ quân sự vững chắc.
- B. Nền kinh tế công nghiệp phát triển mạnh.
- C. Sử dụng nỏ có thể bắn nhiều mũi tên một lần.
- D. Lãnh thổ đất nước được mở rộng hơn.

Câu 17. Mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ được hình thành **không** dựa trên cơ sở nào?

- A. Giải quyết các vấn đề toàn cầu.
- B. Chung tay đắp đê, trị thủy.
- C. Đoàn kết chống ngoại xâm.
- D. Khai hoang mở rộng địa bàn cư trú.

Câu 18. Động cơ đột trong được phát minh trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất có ý nghĩa như thế nào?

- A. Khởi đầu quá trình công nghiệp hoá.
- B. Thúc đẩy cơ giới hoá sản xuất.
- C. Khởi đầu quá trình điện khí hoá.
- D. Giúp cho liên lạc ngày càng thuận tiện.

Câu 19. Bộ máy nhà nước Văn Lang – Âu Lạc được tổ chức theo 3 cấp từ trên xuống, đứng đầu lần lượt là

- A. Vua – Tể tướng, vương hầu – Bô chính.
- B. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Bô chính.
- C. Vua – Quan văn, quan võ – Lạc dân.
- D. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Xã trưởng.

Câu 20. Pô-ly-me là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên lĩnh vực

- A.** chế tạo vật liệu mới.
B. công nghệ sinh học.
C. chinh phục vũ trụ.
D. năng lượng mới.

Câu 21. Năm 1784, Giêm Oát được nhận bằng phát minh sáng chế vì có đóng góp nổi bật nào sau đây?

- A.** Phát minh ra đầu máy xe lửa.
B. Chế tạo được ô tô.
C. Phát minh ra máy hơi nước.
D. Chế tạo được máy bay.

Câu 22. Nước nào sau đây đi tiên phong trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

- A. Pháp.** **B. Anh.** **C. Mỹ.** **D. Đức.**

Câu 23. Nội dung nào sau đây giải thích đúng về ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã đưa loài người bước sang nền văn minh thông tin?

- A.** Ngành vận tải, thông tin có sự tiến bộ vượt bậc.
B. Đã trang bị kiến thức thông tin cho con người.
C. Mọi phát minh đều liên quan đến mạng internet.
D. Phần lớn thành tựu gắn với công nghệ thông tin.

Câu 24. Yếu tố nào sau đây dẫn đến sự khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phong kiến Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX?

- A.** Sự xâm nhập của các nước phương Tây.
B. Sự du nhập ồ ạt của Thiên Chúa giáo.
C. Sự bành trướng và xâm lược của Trung Quốc.
D. Sự xâm nhập và lan tỏa của Hồi giáo.

PHẦN II: Trắc nghiệm đúng – sai (1,0 điểm). Trong mỗi ý a), b), c), d) của câu 1, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Người Việt cổ tiến dần xuống khai phá đồng bằng. Đây cũng là lúc người Việt cổ phát triển kỹ nghệ đồng thau tới đỉnh cao trong văn hoá thời đại đồng Đông Sơn với hàng nghìn công cụ, vũ khí, đồ dùng, lưỡi cày, lưỡi cuốc, mũi tên, rìu, giáo, đèn, muôi, thìa, đồ trang sức và nhất là trống đồng. Đây cũng là lúc họ bước vào thời sơ kì đồ sắt và đứng trước ngưỡng cửa thời đại văn minh, thời kì lập nước. Thực tế họ đã lập được quốc gia sơ kì qua các giai đoạn Văn Lang, Âu Lạc”.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.108)

- a) Văn Lang – Âu Lạc là hai nhà nước cổ đại của Việt Nam, ra đời cùng thời trên cùng một vùng lãnh thổ.
b) Trong thời đại Đông Sơn, người Việt cổ chủ yếu sử dụng công cụ bằng sắt để sản xuất và chiến đấu.
c) Theo đoạn tư liệu, từ thời Đông Sơn, người Việt cổ đã phát triển kỹ nghệ đồng thau đạt trình độ cao.
d) Sự phát triển của kỹ thuật luyện kim đã tạo tiền đề quan trọng để hình thành nhà nước Văn Lang.

PHẦN III: Tư luận (3,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Lập bảng thống kê về thành tựu của văn minh Đông Nam Á trên lĩnh vực văn tự và văn học theo các tiêu chí: thành tựu, ý nghĩa của thành tựu.

Câu 2. (1,0 điểm)

Từ những mặt trái của internet, em hãy đề xuất những giải pháp nhằm sử dụng internet một cách có hiệu quả để phục vụ cho học tập.

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
(Đề chính thức)

I. ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Mã đề Câu	101	102	103	104
Phần I (6,0 điểm: mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)				
1	D	A	A	C
2	C	B	D	B
3	B	C	A	B
4	C	B	A	C
5	C	B	C	D
6	D	A	D	D
7	A	D	B	A
8	A	D	C	B
9	D	B	A	A
10	C	B	D	C
11	D	C	B	B
12	A	A	A	D
13	C	B	B	C
14	B	C	D	D
15	A	D	B	A
16	B	A	D	D
17	A	D	A	D
18	B	D	C	B
19	B	C	D	B
20	A	B	C	C
21	C	D	B	C
22	B	C	B	D
23	D	C	D	A
24	A	A	C	A
Phần II (1,0 điểm: trả lời đúng mỗi lệnh hỏi được 0,25 điểm)				
1	SSDD	SDDS	SDSD	SDDS

II. ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung			Điểm	
Câu 1	Lập bảng thống kê về thành tựu của văn minh Đông Nam Á trên lĩnh vực văn tự và văn học theo các tiêu chí: thành tựu, ý nghĩa của thành tựu.			2,0	
				1,0	
	Nội dung		Thành tựu tiêu biểu		Ý nghĩa
	Văn tự		- Dựa trên chữ viết của Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng (chữ Chăm, chữ Khmer,...). - Người Việt tiếp thu chữ viết của Trung Hoa và sáng tạo ra chữ Nôm.		- Thể hiện tinh thần dân tộc, là cơ sở quan trọng để khẳng định sự ra đời của các quốc gia dân tộc ở Đông Nam Á. - Thể hiện sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á; giúp trao đổi, lưu giữ thông tin,...
	Văn học	Văn học dân gian	Thể loại phong phú như truyền thuyết, sử thi, truyện thơ, ca dao,... Tác phẩm tiêu biểu: sử thi <i>Đẻ đất đẻ nước</i> (Việt Nam), truyền thuyết <i>Po-rắc Thon</i> (Cam-pu-chia),...	- Mang đậm tính dân tộc, thể hiện sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á; phản ánh tình cảm, mong ước của người dân và cộng đồng; ca ngợi những đức tính quý báu của người lao động.	1,0
Văn học viết		Ra đời muộn (TK X – XIII). Một số tác phẩm tiêu biểu: <i>Truyện Kiều</i> (Việt Nam), <i>Truyện sử Me-lay-u</i> (Ma-lai-xi-a),...	- Là một bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cư dân Đông Nam Á, gắn bó chặt chẽ với phong tục, tập quán của mỗi quốc gia; là những đóng góp của cư dân ĐNA vào kho tàng văn hóa của nhân loại...		
Câu 2	Từ những mặt trái của internet, em hãy đề xuất những giải pháp nhằm sử dụng internet một cách có hiệu quả để phục vụ cho học tập.			1,0	
	Những giải pháp sử dụng internet một cách có hiệu quả để phục vụ cho học tập: <i>Học sinh có thể đưa ra những giải pháp khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và thuyết phục (Mỗi một giải pháp đúng/hợp lý được 0,25 điểm, tổng điểm không vượt quá 1,0).</i> * Gợi ý: - Học tập để phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. - Biết cách tìm kiếm, đánh giá và sử dụng nguồn thông tin trên internet để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Biết cảnh giác, phòng chống mặt trái của internet như thông tin giả, độc hại, không chính thống,... - Sử dụng internet với thời gian phù hợp, không lạm dụng internet. - Tìm kiếm bài giảng, tài liệu, video học tập chính thống. - Tham gia các lớp học trực tuyến, diễn đàn trao đổi kiến thức với bạn bè và giáo viên. - ...			1,0	